

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 17-8-2020

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Huệ;
2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 02/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19a/2020/QĐST-DS ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Ngọc L; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc V, bà Hoàng Thị T; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Ngọc L trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/12/2017, bà L cho vợ chồng ông Trần Ngọc V, bà Hoàng Thị T vay số tiền 54.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận 1%/tháng, ngoài ra bà L còn cho ông V và bà T vay 1.800 kg cà phê quy chuẩn, trong thời gian vay ông V, bà T đã trả cho bà L 1.400 kg cà phê vào ngày 29/12/2018, từ đó đến nay mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà T trả nợ nhưng ông V bà T cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà L. Vì vậy, bà L khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T phải trả số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/12/2017 đến ngày xét xử vụ án là ngày 17/8/2020 và 400 kg cà phê nhân xô.

Tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải bị đơn bà Hoàng Thị T trình bày: bà T thừa nhận vợ chồng bà là Trần Ngọc V và Hoàng Thị T có vay của bà Hoàng Ngọc L số tiền 54.000.000 đồng và 1.800kg cà phê nhân xô, trong quá trình vay tiền và cà phê thì vợ chồng bà T đã trả cho bà L 1.000 kg cà phê nhân xô và 20.000.000 đồng; bà T xác định tại phiên hòa giải ngày 20/02/2020 sau khi khấu trừ thì vợ chồng bà T còn nợ bà L số tiền 54.000.000 đồng nợ gốc và 400 kg cà phê nhân xô, bà T đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho bà L.

Bị đơn ông Trần Ngọc V mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm việc; ông V biết được yêu khởi kiện của bà L nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án là từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS đối với phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Ngọc L, buộc bị đơn Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng và tính lãi phát sinh theo quy định của pháp luật và 400 kg cà phê nhân xô. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Ngọc L, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 20/12/2017, bà Hoàng Ngọc L có cho ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T vay số tiền 54.000.000 đồng và 1.800 kg cà phê nhân xô là có thật; được thể hiện tại “Giấy mượn tiền mặt với cà phê 20/12/2017 (âm lịch), thời hạn trả nợ là ngày 20/4/2018 âm lịch...”, giấy này do bà L cung cấp và được bà Hoàng Thị T thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận còn nợ bà L khoản tiền 54.000.000 đồng nợ gốc và 400 kg cà phê nhân xô, nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa trả nợ cho bà L. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc bị đơn ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T phải trả cho bà Hoàng Ngọc L số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật và 400 kg cà phê nhân xô.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy mượn tiền mặt với cà phê ngày 20/12/2017 giữa bà L với ông V, bà T không thể hiện lãi suất, trong quá trình giải quyết bà L và bà T thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, tuy nhiên do bị đơn ông V không đến Tòa án làm việc và không có lời khai nên chưa đủ cơ sở để khẳng định về việc thỏa thuận lãi suất, vì vậy Hội đồng xét xử xác định: Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có thời hạn, không có lãi; yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được tính theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể như sau: Lãi tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch là ngày 3/6/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2020 là 54.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 02 tháng 14 ngày = 11.700.000 đồng.

[4] Về án phí: Tại thời điểm xét xử giá cà phê nhân xô là 33.000 đồng/kg (400kg x 33.000 đồng = 13.200.000 đồng).

Mức án phí dân sự sơ thẩm là 78.900.000 đồng x 5% = 3.945.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Hoàng Ngọc L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Ngọc L.

Buộc bị đơn ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T phải trả cho bà Hoàng Ngọc L số tiền 65.700.000đ (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 54.000.000 đồng, nợ lãi là 11.700.000 đồng (Lãi tính từ ngày 03/6/2018 đến ngày 17/8/2020 ngày xét xử sơ thẩm); 400 kg (Bốn trăm kilôgam) cà phê nhân xô.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Trần Ngọc V và bà Hoàng Thị T phải chịu 3.945.000 đ (*Ba triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Hoàng Ngọc L số tiền 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014409 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Buk;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hs-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý